

Số/No: 220/2025/WSB

Cần Thơ, ngày 16 tháng 10 năm 2025

(Công bố thông tin Báo cáo tài chính
hợp nhất quý 3 năm 2025)

(Information disclosure of Consolidated
Financial Statements in Quarter 3/2025)

CÔNG TY
CỔ PHẦN
BIA SÀI GÒN
- MIỀN TÂY

Digitally signed by CÔNG TY
CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN
TÂY
DN: c=VN, st=CẦN THƠ,
l=Quận Bình Thủy, cn=CÔNG
TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN -
MIỀN TÂY,
0.9.2342.19200300.100.1.1=M
ST:1800586579
Date: 2025.10.16 15:54:17
+07'00

Can Tho, October 16 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
PERIODIC DISCLOSURE OF FINANCIAL STATEMENTS

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
To: Hanoi Stock Exchange (HNX)

Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty CP Bia Sài Gòn - Miền Tây thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) quý 3/2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

Complying with the provisions of Clauses 3 and 4, Article 14 of Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16th, 2020 of the Ministry of Finance guiding information disclosure on the stock market, Western - Saigon Beer Joint Stock Company would like to disclose the financial statements in Quarter 3/2025 with Hanoi Stock Exchange as follows:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

Name of Organization: Western – Saigon Beer Joint Stock Company

– Mã chứng khoán: WSB

Stock code: WSB

– Địa chỉ: KCN Trà Nóc, P. Thới An Đông, Tp. Cần Thơ, Việt Nam

Address: Tra Noc Industrial Zone, Thoi An Dong Ward, Can Tho City, Vietnam

– Điện thoại/Tel: 02923 843 333 Fax: 02923 843 222

– Email: sabecomientay@mientay.sabeco.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/ Content of information disclosure:

– BCTC quý 3/2025/Financial Statements in Quarter 3/2025

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

Separate Financial Statements (Listed organizations has no subsidiaries and superior accounting units have affiliated units);

BCTC hợp nhất (CTNY có công ty con);

Consolidated Financial Statements (Listed organizations has subsidiaries)



BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

General Financial Statements (Listed organizations has an accounting unit directly under its own accounting system);

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

Cases in which the cause must be explained:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm):

The auditing organization expresses an opinion that is not a fully accepted opinion for financial statements (for audited financial statements in)

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanatory documents in case of integration:*

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm):

Profit after tax in the reporting period has a difference before and after the audit of 5% or more, converted from loss to profit or vice versa (for audited financial statements in)

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanatory documents in case of integration:*

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo có thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

The profit after corporate income tax in the business performance statement of the reporting period change by 10% or more compared to the same period of the previous year:

Có/Yes

Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanatory documents in case of integration:*

Có/Yes

Không/No

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

The profit after tax in the reporting period suffered a loss, converted from profit in the same period last year to a loss in this period or vice versa:

Có/Yes

Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanatory documents in case of integration:*

Có/Yes

Không/No

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 16/10/2025 tại đường dẫn: <http://www.wsb-sabeco.com.vn/vi/quan-he-co-dong.html>.

This information was published on the company's website on October 16th, 2025 at the link: <http://www.wsb-sabeco.com.vn/vi/quan-he-co-dong.html>.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC HN quý 3/2025/ Consolidated Financial Statements in Quarter 3/2025

Đại diện tổ chức/Representative
Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
Legal representative/Disclosure Authorization



Lê Đăng Khoa



**CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA SÀI GÒN – MIỀN TÂY
WESTERN – SAIGON BEER
JOINT STOCK COMPANY**

Số/No. 219./2025/WSB

Giải trình BCTC hợp nhất quý 3/2025

*Explanation of the Consolidated
Financial Statements in Quarter
3/2025*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

Cần Thơ, ngày 16 tháng 10 năm 2025

Can Tho, October 16, 2025

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

To: Hanoi Stock Exchange (HNX)

– Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

Name of Organization: Western – Saigon Beer Joint Stock Company

– Mã chứng khoán: WSB

Stock code: WSB

– Địa chỉ: KCN Trà Nóc, P. Thới An Đông, Tp. Cần Thơ, Việt Nam

Address: Tra Noc Industrial Zone, Thoi An Dong Ward, Can Tho City, Vietnam

– Điện thoại/Tel: 02923 843 333

Fax: 02923 843 222

– Email: sabecomientay@mientay.sabeco.com.vn

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Công ty CP Bia Sài Gòn - Miền Tây giải trình Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3 năm 2025 như sau:

Pursuant to the Finance Ministry's Circular No.96/2020/TT-BTC guiding information disclosure on the stock market. Western - Saigon Beer Joint Stock Company explained the Consolidated Financial Statements in Quarter 3/2025 as follows:

Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế quý 3/2025 so với cùng kỳ: Lợi nhuận sau thuế quý 3 năm 2025 tăng so với cùng kỳ năm 2024 vì giá nguyên liệu đầu vào giảm làm giảm giá vốn hàng bán và doanh thu tài chính tăng (lãi tiền gửi tăng).

Explanation of the difference in net profit after tax in Q3/2025 compared to the same period last year: Profit after tax in Q3/2025 increased compared to Q3/2024 mainly due to a decrease in input material costs, which reduced the cost of goods sold, and an increase in financial income resulting from higher deposit interest income.

Nơi nhận/Recipients:

- Như trên/As above;

- Lưu: Văn thư/Save at the Office.

Đại diện tổ chức/Representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBT

Legal representative/Disclosure

Authorization



Lê Đăng Khoa

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – MIỀN TÂY

Địa chỉ : KCN Trà Nóc, phường Thới An Đông, TP Cần Thơ.

Điện thoại : 0292 3843 333 Fax : 0292 3843 222

Email: wsb@vnn.vn – Website: www.wsb-sabeco.com.vn

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT
Quý 3/2025**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(Ban hành theo TT202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của BTC)

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025

ĐVT: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/9/2025	01/01/2025
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		619.889.523.915	558.161.590.615
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	166.166.883.818	69.803.995.008
Tiền	111		132.883.818	138.995.008
Các khoản tương đương tiền	112		166.034.000.000	69.665.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4	340.010.000.000	329.160.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		340.010.000.000	329.160.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		26.873.090.606	73.269.045.633
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	11.827.673.610	64.154.604.812
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	4.433.664.819	1.032.196.722
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	10.611.752.177	8.082.244.099
Hàng tồn kho	140		85.872.978.422	85.052.277.908
Hàng tồn kho	141	8	87.250.177.871	86.464.670.088
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.377.199.449)	(1.412.392.180)
Tài sản ngắn hạn khác	150		966.571.069	876.272.066
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	852.268.627	876.272.066
Thuế phải thu Nhà nước	153		114.302.442	



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(Ban hành theo TT202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của BTC)

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/9/2025	01/01/2025
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		350.755.816.688	365.360.493.752
Các khoản phải thu dài hạn	210			
Tài sản cố định	220	9	238.230.269.633	278.585.043.789
Tài sản cố định hữu hình	221		238.230.269.633	278.585.043.789
Nguyên giá	222		1.026.118.181.096	1.021.540.424.857
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(787.887.911.463)	(742.955.381.068)
Bất động sản đầu tư	230	10	1.992.548.909	2.112.904.208
Nguyên giá	231		4.011.843.370	4.011.843.370
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2.019.294.461)	(1.898.939.162)
Tài sản dở dang dài hạn	240		25.243.369.242	13.657.078.670
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		25.243.369.242	13.657.078.670
Đầu tư tài chính dài hạn	250	4	64.938.053.193	51.285.558.143
Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết	252		35.957.337.793	36.804.842.743
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		13.980.715.400	13.980.715.400
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		15.000.000.000	500.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		20.351.575.711	19.719.908.942
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	18.913.992.564	17.869.396.286
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.437.583.147	1.850.512.656
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		970.645.340.603	923.522.084.367



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(Ban hành theo TT202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của BTC)

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025

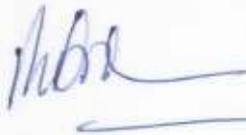
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/9/2025	01/01/2025
NỢ PHẢI TRẢ	300		179.667.900.675	155.695.945.427
Nợ ngắn hạn	310		174.032.436.275	149.809.972.013
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	14.018.738.060	22.588.517.209
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		7.740.294	8.541.434
Thuế phải nộp Nhà nước	313	17	125.921.021.996	100.890.956.212
Phải trả người lao động	314		2.599.494.146	3.356.823.671
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	12.350.809.058	3.590.155.260
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	10.979.766.305	10.054.780.866
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.154.866.416	9.320.197.361
Nợ dài hạn	330		5.635.464.400	5.885.973.414
Phải trả dài hạn khác	337		49.500.000	203.974.120
Dự phòng phải trả dài hạn	342		5.585.964.400	5.681.999.294

557
TY
HN
N-
Y
P. CH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025

(Ban hành theo TT202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của BTC)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/9/2025	01/01/2025
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		790.977.439.928	767.826.138.940
<i>Vốn chủ sở hữu</i>	<i>410</i>	<i>18</i>	<i>790.977.439.928</i>	<i>767.826.138.940</i>
Vốn cổ phần	411		145.000.000.000	145.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>145.000.000.000</i>	<i>145.000.000.000</i>
Quỹ đầu tư phát triển	418		219.010.945.308	219.010.945.308
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		426.966.494.620	403.815.193.632
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		359.115.348.217	356.856.259.230
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		67.851.146.403	46.958.934.402
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		970.645.340.603	923.522.084.367



Dương Thị Thúy Hồng
 Người lập

Ngày 09 tháng 10 năm 2025



Trương Thị Mỹ Hồng
 Kế toán trưởng



Đặng Khoa
 Giám đốc



KHOẢN MỤC	Mã số	Thuyết minh	Quý 3		Kỳ 9 tháng kết thúc ngày 30/9	
			2025	2024	2025	2024
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	19	202.082.497.097	205.618.042.676	721.357.252.606	704.552.542.214
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	19	202.082.497.097	205.618.042.676	721.357.252.606	704.552.542.214
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	20	177.816.319.949	188.220.043.905	642.567.464.026	637.546.894.449
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		24.266.177.148	17.397.998.771	78.789.788.580	67.005.647.765
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	6.194.408.354	4.891.831.261	17.458.235.088	13.713.952.484
Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên kết, liên doanh	24		440.287.518	47.016.084	353.695.050	195.912.954
Chi phí bán hàng	25	23	184.991.710	230.900.998	824.631.860	1.327.244.697
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	5.067.546.956	4.605.807.495	15.469.459.851	15.184.278.504
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		25.648.334.354	17.500.137.623	80.307.627.007	64.403.990.002
Thu nhập khác	31		56.602.567	955.447.611	309.252.315	1.018.634.536
Chi phí khác	32		147.929.276	220.646.589	463.737.760	1.171.430.492
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(91.326.709)	734.801.022	(154.485.445)	(152.795.956)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		25.557.007.645	18.234.938.645	80.153.141.562	64.251.194.046
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		2.512.552.357	1.806.264.810	6.835.181.225	4.817.572.505
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52		28.522.802	127.599.911	412.929.509	602.538.468
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		23.015.932.486	16.301.073.924	72.905.030.828	58.831.083.073
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		1.477	1.016	4.696	3.691

Dương Thị Thúy Hồng

Dương Thị Thúy Hồng
 Người lập
 Ngày 19 tháng 10 năm 2025

Trương Thị Mỹ Hồng

Trương Thị Mỹ Hồng
 Kế toán trưởng



Lê Đăng Khoa
 Giám đốc



CÔNG TY CP BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025

Mẫu B03-DN/HN
 (Ban hành theo TT202/2014/TT-BTC
 ngày 24/12/2014 của BTC)

VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày 30/9	
		2025	2024
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1	Lợi nhuận kế toán trước thuế	80.153.141.562	64.251.194.046
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>		
2	Khấu hao và phân bổ	48.483.533.485	43.974.024.777
3	Các khoản dự phòng	(35.192.731)	56.540.076
5	Lãi từ hoạt động đầu tư	(18.009.311.373)	(13.593.431.585)
6	Chi phí lãi vay		
8	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	110.592.170.943	94.688.327.314
9	Biến động các khoản phải thu	37.219.279.266	10.036.181.239
10	Biến động hàng tồn kho	(785.507.783)	11.053.114.944
11	Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	20.697.852.892	22.150.609.843
12	Biến động chi phí trả trước	(1.020.592.839)	1.473.720.886
14	Tiền lãi vay đã trả		
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(4.226.086.689)	(4.278.069.759)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	3.712.680.392	693.670.933
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	166.189.796.182	135.817.555.400
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
21	Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	(17.960.156.760)	(1.002.469.381)
22	Tiền thu được từ việc thanh lý tài sản cố định và cho thuê bất động sản đầu tư	306.307.889	1.568.093.905
23	Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	(247.260.000.000)	(196.940.000.000)
24	Tiền thu tiền gửi có kỳ hạn	221.910.000.000	164.367.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	16.289.191.499	14.057.206.657
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(26.714.657.372)	(17.950.168.819)



CÔNG TY CP BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025

Mẫu B03-DN/HN
 (Ban hành theo TT202/2014/TT-BTC
 ngày 24/12/2014 của BTC)

VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày 30/9	
		2025	2024
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
33	Tiền thu từ đi vay		
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(43.112.250.000)	(43.112.930.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(43.112.250.000)	(43.112.930.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	96.362.888.810	74.754.456.581
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	69.803.995.008	61.396.983.767
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	166.166.883.818	136.151.440.348

Dương Thị Thúy Hồng
 Người lập
 Ngày 09 tháng 10 năm 2025

Trương Thị Mỹ Hồng
 Kế toán trưởng



Lê Đăng Khoa
 Giám đốc



Quý 3 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM VÀ ÁP DỤNG CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Miền Tây (Công ty) là công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở hợp nhất giữa Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Cần Thơ và Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Sóc Trăng. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5703000144 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp ngày 13/04/2005 cho Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Cần Thơ, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 06/06/2006 về việc đổi tên Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Cần Thơ thành Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây trên cơ sở hợp nhất giữa hai công ty. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh gần nhất lần thứ 12 số 1800586579 ngày 27 tháng 11 năm 2023 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP Cần Thơ cấp.

Ngày 10 tháng 8 năm 2010, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên thị trường UPCOM tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, theo Thông báo số 694/TB-SGDHN ngày 3 tháng 8 năm 2010

Trụ sở chính: KCN Trà Nóc, Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, thương mại, dịch vụ.

Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, cồn, nước giải khát. Kinh doanh chế biến nông sản để làm nguyên liệu sản xuất bia, cồn, nước giải khát và xuất khẩu. Kinh doanh địa ốc. Kinh doanh nhà hàng, văn phòng, nhà kho, bãi. Chế biến, kinh doanh thức ăn gia súc. Nuôi trồng thủy hải sản. Kinh doanh vật tư nguyên liệu, thiết bị, phụ tùng chuyên ngành sản xuất bia, nước giải khát. Vận tải hàng hóa đường bộ.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần

Cấu trúc doanh nghiệp : Công ty có 01 công ty con (100% QSH & QBQ) và 01 công ty liên kết (20% QSH & QBQ)

Công ty con : Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn Sóc Trăng. Địa chỉ Lô S, KCN An Nghiệp, xã An Hiệp, Huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng. Ngành nghề kinh doanh chính sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, cồn, nước giải khát ..

Công ty liên kết : Công ty CP Bia Sài Gòn Bạc Liêu. Địa chỉ Lô B5, KCN Trà Kha, Phường 8, TP Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu. Ngành nghề kinh doanh chính sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, cồn, nước giải khát ..

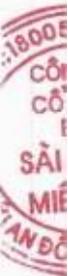
Hiện tại công ty vẫn so sánh được thông tin trên báo cáo tài chính với cùng kỳ năm trước.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).



Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng đơn vị mở tài khoản (hoặc *tỷ giá bình quân liên ngân hàng*) tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 202/2014 /TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Bộ Tài chính đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức phần mềm kế toán để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính bao gồm chứng khoán kinh doanh; các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; Các khoản cho vay; đầu tư vào công ty con, công ty liên kết; công cụ vốn của đơn vị khác, dùng để phản ánh tình hình mua, bán và thanh toán vì mục đích kiếm lời. Chứng khoán kinh doanh phải được ghi sổ theo giá gốc. Chứng khoán niêm yết được ghi nhận theo thời điểm khớp lệnh; chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định pháp luật. Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị thị trường của chứng khoán kinh doanh bị giảm xuống thấp hơn giá gốc, kế toán được trích lập dự phòng. Trả cổ tức bằng cổ phiếu nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng trên thuyết minh. Mọi trường hợp hoán đổi cổ phiếu đều phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý, tại ngày trao đổi. Khi thanh lý, nhượng bán, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho



Hàng tồn kho được thể hiện theo giá giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao áp dụng và các trường hợp khấu hao đặc biệt: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao được ước tính theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

- Nhà cửa - vật kiến trúc: 05 - 25 năm.
- Máy móc, thiết bị: 05 - 10 năm.
- Phương tiện vận tải: 06 - 10 năm.
- Thiết bị văn phòng: 03 - 08 năm.
- Quyền sử dụng đất : 49 năm

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty.

Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận vốn góp không ghi vào vốn chủ mà ghi vào TK 338. BCC chia lợi nhuận sau thuế do một bên kiểm soát hoặc các bên đồng kiểm soát, do một bên kế toán và quyết toán. Các bên phải cân nhắc về rủi ro có thể phải gánh chịu.



Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Nếu BCC quy định các bên khác tham gia BCC được hưởng một khoản lợi nhuận cố định mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng; trường hợp này mặc dù hình thức pháp lý của hợp đồng là BCC nhưng bản chất của hợp đồng là thuê tài sản. Nếu BCC quy định bên khác trong BCC chỉ phân loại chia lợi nhuận nếu kết quả hoạt động của BCC có lãi, đồng thời phải gánh chịu lỗ, mặc dù hình thức pháp lý của BCC là chia lợi nhuận sau thuế nhưng bản chất của BCC là chia doanh thu, chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập BCTC, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập BCTC, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch trả nợ

Nợ thuê tài chính là tổng nợ thuê tài sản được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê

Tỷ lệ vốn hoá chi phí lãi vay trong kỳ là: 0 %

0586
CÔNG TY
SÀI GÒN
MIỀN TÂY
NG - TP

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước thực tế đã phát sinh trong năm tài chính hoặc có liên quan đến KQKD của nhiều kỳ kế toán và chuyển vào nhiều kỳ kế toán sau.

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động/ chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lỗ chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận kế toán nợ phải trả

Việc phân loại được thực hiện theo nguyên tắc tương tự các khoản phải thu.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá trị thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh

Chênh lệch đánh giá lại tài sản do đánh giá lại tài sản hiện có và tình hình xử lý số chênh lệch.



Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ .

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) giữa chi phí thực tế đã phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại một thời điểm so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng.



CÔNG TY CP BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/9/2025	01/01/2025
	VNĐ	VNĐ
Tiền mặt		75.460.700
Tiền gửi ngân hàng	132.883.818	63.534.308
Các khoản tương đương tiền (*)	166.034.000.000	69.665.000.000
TỔNG CỘNG	166.166.883.818	69.803.995.008

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn đáo hạn ban đầu không quá 3 tháng. Các khoản tương đương tiền được gọi bằng VNĐ.



4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

(i) Ngắn hạn

	30/9/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị còn lại	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị còn lại
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	340.010.000.000		340.010.000.000	329.160.000.000		329.160.000.000
	<u>340.010.000.000</u>		<u>340.010.000.000</u>	<u>329.160.000.000</u>		<u>329.160.000.000</u>

(*) Tiền gửi có kỳ hạn là khoản tiền gửi ngân hàng có thời hạn trên 3 tháng, dưới 1 năm

(ii) Dài hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chủ yếu thể hiện giá trị các khoản đầu tư vào trái phiếu của công ty.

	30/9/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị còn lại	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị còn lại
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Tiền gửi có kỳ hạn (kỳ hạn trên 1 năm)	15.000.000.000		15.000.000.000	500.000.000		500.000.000
	<u>15.000.000.000</u>		<u>15.000.000.000</u>	<u>500.000.000</u>		<u>500.000.000</u>

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

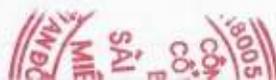
	30/9/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Đầu tư vào công ty liên kết (**)	7.000.000.000		7.000.000.000	
Đầu tư dài hạn khác (***)	13.980.715.400		13.980.715.400	
(a) Đầu tư cổ phiếu				
(b) Đầu tư dài hạn khác	13.980.715.400		13.980.715.400	
- Công ty CP Bia - NGK Sài Gòn Tây Đô	13.980.715.400		13.980.715.400	



(b) **Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)**

	30/9/2025					1/1/2025				
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư công ty liên kết										
Công ty CP Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	2.402.400	20,00%	35.957.337.793		12.444.432.000	2.402.400	20,00%	36.804.842.743		16.096.080.000
Đầu tư dài hạn khác										
Công ty CP Bia - NGK Sài Gòn Tây Đô	1.891.807	9,46%	13.980.715.400		(*)	1.891.807	9,46%	13.980.715.400		(*)
			49.938.053.193					50.785.558.143		

(*) Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.



8 HÀNG TỒN KHO	30/9/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VNĐ	Dự phòng	Giá gốc VNĐ	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường			3.482.148.592	
Nguyên vật liệu	39.876.521.606		38.785.390.837	
Công cụ dụng cụ và phụ tùng thay thế	5.433.643.688	(1.377.199.449)	6.915.316.728	(1.412.392.180)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	19.603.213.630		25.265.567.030	
Thành phẩm	22.325.627.427		11.855.290.501	
Hàng hóa	11.171.520		160.956.400	
TỔNG CỘNG	87.250.177.871	(1.377.199.449)	86.464.670.088	(1.412.392.180)



CÔNG TY CP BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu B 09-DN/HN

9 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận chuyển</i>	<i>Thiết bị quản lý</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:					
Số dư đầu kỳ	184.581.962.255	805.645.457.771	14.790.060.212	16.522.944.619	1.021.540.424.857
Tăng trong kỳ		7.290.321.593			8.020.321.593
Mua mới		2.280.833.593			3.010.833.593
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang		5.009.488.000			5.009.488.000
Giảm trong kỳ		1.158.395.377		2.284.169.977	3.442.565.354
Trong đó:					
Thanh lý		1.158.395.377		2.284.169.977	3.442.565.354
Giảm khác					
Số dư cuối kỳ	184.581.962.255	811.777.383.987	15.520.060.212	14.238.774.642	1.026.118.181.096
Giá trị khấu hao:					
Số dư đầu kỳ	102.523.820.494	611.752.713.004	13.202.184.653	15.476.662.917	742.955.381.068
Khấu hao trong kỳ	5.585.191.693	42.095.857.857	555.063.098	127.065.538	48.363.178.186
Giảm trong kỳ		1.146.477.814		2.284.169.977	3.430.647.791
Thanh lý		1.146.477.814		2.284.169.977	3.430.647.791
Số dư cuối kỳ	108.109.012.187	652.702.093.047	13.757.247.751	13.319.558.478	787.887.911.463
Giá trị còn lại:					
Số dư đầu kỳ	82.058.141.761	193.892.744.767	1.587.875.559	1.046.281.702	278.585.043.789
Số dư cuối kỳ	76.472.950.068	159.075.290.940	1.762.812.461	919.216.164	238.230.269.633

* Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 9 năm 2025 là 114.377 triệu (tại 01/01/2025 là 112.426 triệu đồng)

CÔNG TY CP BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ

10 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

11 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ	4.011.843.370	4.011.843.370
Giảm		
Điều chỉnh sang TSCĐ HH		
Số dư cuối kỳ	4.011.843.370	4.011.843.370
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	1.898.939.162	1.898.939.162
Khấu hao trong kỳ	120.355.299	120.355.299
Giảm		
Điều chỉnh sang TSCĐ HH		
Số dư cuối kỳ	2.019.294.461	2.019.294.461
Số dư đầu kỳ	2.112.904.208	2.112.904.208
Số dư cuối kỳ	1.992.548.909	1.992.548.909



CÔNG TY CP BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu: B 09-DN/HN

12 TÀI SẢN DỄ DANG DÀI HẠN	30/9/2025	01/01/2025
Số dư đầu kỳ	13.657.078.670	13.615.685.892
Tăng/ bổ sung	15.172.124.165	3.543.803.644
Điều chuyển từ / (sang) TSCĐ	(3.585.833.593)	(2.730.000.000)
Điều chuyển sang chi phí trả trước, điều chỉnh khác		(772.410.866)
Số dư cuối kỳ	25.243.369.242	13.657.078.670
13 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC		
(a) Chi phí trả trước ngắn hạn	30/9/2025	01/01/2025
Công cụ và dụng cụ	25.179.334	38.322.538
Chi phí trả trước khác	827.089.293	837.949.528
TỔNG CỘNG	852.268.627	876.272.066
(b) Chi phí trả trước dài hạn	30/9/2025	01/01/2025
Bao bì luân chuyển		
Chi phí thuê đất trả trước	9.411.832.069	9.760.938.055
Công cụ và dụng cụ	2.762.656.482	2.928.407.387
Chi phí trả trước khác	6.245.209.340	5.180.050.844
TỔNG CỘNG	18.913.992.564	17.869.396.286
14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN	30/9/2025	01/01/2025
Phải trả cho các bên thứ ba	5.669.315.749	6.454.347.635
Phải trả cho các bên liên quan	8.349.422.311	16.134.169.574
	14.018.738.060	22.588.517.209
Phải trả người bán là các bên liên quan	8.349.422.311	16.134.169.574
<i>Công ty mẹ/Công ty con trong Sabeco</i>	8.349.422.311	16.134.169.574
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	5.970.271.932	15.125.455.542
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	27.349.529	
Cty TNHH Một thành viên Cơ khí Sa be co	1.935.215.532	1.008.714.032
Công ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Miền Trung	416.585.318	

CÔNG TY CP BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu: B 09-DN/HN

15 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/9/2025	01/01/2025
Trích trước chi phí khác	12.350.809.058	3.590.155.260
TỔNG CỘNG	12.350.809.058	3.590.155.260

16 PHẢI TRẢ KHÁC

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/9/2025	01/01/2025
Cổ tức phải trả	5.560.202.808	5.172.452.808
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.368.834.275	1.335.156.640
Phải trả ngắn hạn khác	4.050.729.222	3.547.171.418
	10.979.766.305	10.054.780.866

Trong đó:

Các bên thứ ba	10.979.766.305	10.054.780.866
Bên liên quan	10.979.766.305	10.054.780.866

(b) Phải trả dài hạn khác

Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	49.500.000	203.974.120
	49.500.000	203.974.120

CÔNG TY CP BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu B 09-DN/HN

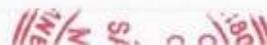
17 Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước

(a) Thuế phải nộp Nhà nước

	01/01/2025	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số đã căn trừ trong kỳ	30/09/2025
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	10.419.257.539	145.087.369.918	50.339.079.596	(48.273.547.582)	56.894.000.279
Thuế tiêu thụ đặc biệt	86.475.763.178	678.664.563.353	704.284.043.636		60.856.282.895
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.366.386.400	6.835.181.225	4.226.086.689		5.975.480.936
Thuế thu nhập cá nhân	238.791.033	1.359.831.436	1.440.910.081		29.520.400
Tiền thuê đất	390.758.062	1.774.979.424			2.165.737.486
Các loại thuế khác		6.000.000	6.000.000		
	100.890.956.212	833.727.925.356	760.296.120.002	(48.273.547.582)	125.921.021.996

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	01/01/2025	Số phát sinh trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số đã căn trừ trong kỳ	30/09/2025
Thuế thu nhập cá nhân			242.494.430	(128.191.988)	114.302.442
			242.494.430	(128.191.988)	114.302.442



18 VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Vốn cổ phần

	30/9/2025			01/01/2025		
	Số cổ phiếu	Tổng mệnh giá VNĐ	Tỷ lệ sở hữu	Tổng mệnh giá	Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu
Tổng công ty CP Bia - Rượu - NGK Sài Gòn	12.517.050	125.170.500.000	86,32%	12.246.550	122.465.500.000	84,46%
Các cổ đông khác	1.982.950	19.829.500.000	13,68%	2.253.450	22.534.500.000	15,54%
TỔNG CỘNG	14.500.000	145.000.000.000		14.500.000	145.000.000.000	
Cổ phiếu						
		30/9/2025 (cổ phiếu)			01/01/2025 (cổ phiếu)	
Số lượng cổ phiếu được duyệt		14.500.000			14.500.000	
Số lượng cổ phiếu đã phát hành		14.500.000			14.500.000	
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		14.500.000			14.500.000	

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

-Vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Vốn góp đầu kỳ
- Vốn góp tăng trong kỳ
- Vốn góp giảm trong kỳ
- Vốn góp cuối kỳ

-Cổ tức, lợi nhuận đã chia

Tổng số:

- Quyết toán cổ tức năm 2023 còn lại 30% thực hiện chi trả vào ngày 26/4/2024).

-Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2024 tỷ lệ 20% mệnh giá trên cổ phiếu (chi trả ngày 27/12/2024)

- Quyết toán cổ tức năm 2024 còn lại 30% thực hiện chi trả vào ngày 06/6/2025).

30/9/2025 and 1/1/2025			
Số lượng	VNĐ		
14.500.000	145.000.000.000		
14.500.000	145.000.000.000		
Năm 2025	Năm 2024		
VNĐ	VNĐ	Tỷ lệ	Tỷ lệ
43.500.000.000	72.500.000.000	30%	50%
	43.500.000.000		30%
	29.000.000.000		20%
43.500.000.000,000		30%	

Các quỹ của công ty

- Quỹ đầu tư phát triển
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

30/9/2025	01/01/2025
VNĐ	VNĐ
219.010.945.308	219.010.945.308
426.966.494.620	403.815.193.632

CÔNG TY CP BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu: B 09-DN/HN

18.2 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	145.000.000.000	219.010.945.308	399.537.336.072	763.548.281.380
Lợi nhuận thuần trong năm			82.536.315.873	82.536.315.873
Cổ tức năm trước			(43.500.000.000)	(43.500.000.000)
Cổ tức năm nay			(29.000.000.000)	(29.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi			(6.251.000.000)	(6.251.000.000)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng phúc lợi năm trước			955.565.350	955.565.350
Trích quỹ công tác xã hội			(326.381.471)	(326.381.471)
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội			(136.642.192)	(136.642.192)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	145.000.000.000	219.010.945.308	403.815.193.632	767.826.138.940
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	145.000.000.000	219.010.945.308	403.815.193.632	767.826.138.940
Lợi nhuận thuần trong kỳ			72.905.030.828	72.905.030.828
Cổ tức năm trước			(43.500.000.000)	(43.500.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi			(4.809.098.321)	(4.809.098.321)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng phúc lợi năm trước			(1.199.845.415)	(1.199.845.415)
Trích quỹ công tác xã hội			(244.786.104)	(244.786.104)
Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2025	145.000.000.000	219.010.945.308	426.966.494.620	790.977.439.928

CÔNG TY CP BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu: B 09-DN/HN

19 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý 3/2025	Quý 3/2024
	VNĐ	VNĐ
Bán thành phẩm	196.889.144.281	201.458.187.419
Cung cấp dịch vụ	687.456.843	848.516.149
Doanh thu khác	4.505.895.973	3.311.339.108
Tổng doanh thu	202.082.497.097	205.618.042.676

20 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Quý 3/2025	Quý 3/2024
	VNĐ	VNĐ
Giá vốn thành phẩm đã bán	177.063.138.210	187.997.629.722
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	282.949.945	323.952.444
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	128.338.252	(332.007.986)
Giá vốn khác	341.893.542	230.469.725
TỔNG CỘNG	177.816.319.949	188.220.043.905

21 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý 3/2025	Quý 3/2024
	VNĐ	VNĐ
Cổ tức, lợi nhuận được chia		
Lãi tiền gửi	6.194.408.354	4.891.831.261
Doanh thu tài chính khác		
TỔNG CỘNG	6.194.408.354	4.891.831.261

22 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý 3/2025	Quý 3/2024
	VNĐ	VNĐ
Chi phí lãi vay		
TỔNG CỘNG		

CÔNG TY CP BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu: B 09-DN/HN

23 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Quý 3/2025 VNĐ	Quý 3/2024 VNĐ
Chi phí nhân công, bốc xếp	184.991.710	230.900.998
TỔNG CỘNG	184.991.710	230.900.998

23 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý 3/2025 VNĐ	Quý 3/2024 VNĐ
Chi phí nhân viên	3.270.694.192	3.153.531.441
Chi phí khấu hao	219.499.537	222.416.397
Chi phí dịch vụ mua ngoài	628.215.175	329.976.251
Chi phí quản lý khác	949.138.052	899.883.406
TỔNG CỘNG	5.067.546.956	4.605.807.495

24 THU NHẬP KHÁC

	Quý 3/2025 VNĐ	Quý 3/2024 VNĐ
Thu từ thanh lý tài sản, phế liệu, bao bì và bồi thường vỏ chai bẻ		872.347.076
Thu nhập khác	56.602.567	83.100.535
	56.602.567	955.447.611

25 CHI PHÍ KHÁC

	Quý 3/2025 VNĐ	Quý 3/2024 VNĐ
Chi phí thanh lý tài sản cố định		
Khác	147.929.276	220.646.589
Chi phí khác	147.929.276	220.646.589

(Handwritten signature)

Dương Thị Thúy Hồng
 Người lập

Ngày 09 tháng 10 năm 2025

(Handwritten signature)

Trương Thị Mỹ Hồng
 Kế toán trưởng



Lê Đăng Khoa
 Giám đốc



